BIỂU SỐ 07/TSĐH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - Nghiên cứu

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
1	H25.C00001	Hoàng	Anh	18/01/95		51.00	18.50	69.5	6.50	7.50	14.00	
2	H25.C00002	Lê Vân	Anh	07/03/84	Nữ	42.00	18.00	60.0	6.00	7.50	13.50	
3	H25.C00004	Vũ Thị Lan	Anh	30/04/93	Nữ	60.50	7.00	67.5	5.00	6.50	11.50	
4	H25.C00009	Phạm Thị Bích	Hảo	22/02/78	Nữ	.	.		6.00	.	6.00	
5	H25.C00010	Nguyễn Thanh	Hằng	03/08/94	Nữ	.	.		6.50	5.50	12.00	Miễn thi NN
6	H25.C00011	Phạm Thu	Hằng	27/02/89	Nữ	41.00	14.00	55.0	6.00	7.00	13.00	
7	H25.C00012	Vũ Khánh	Hoàng	19/11/94		52.00	15.50	67.5	5.50	7.00	12.50	
8	H25.C00014	Thân Thị Ngọc	Huyền	02/03/94	Nữ	37.50	3.00	40.5	5.50	6.00	11.50	
9	H25.C00015	Nguyễn Bá	Hưng	10/06/92		55.00	11.50	66.5	5.00	6.00	11.00	
10	H25.C00016	Phạm Huy	Khánh	10/07/95		59.00	24.00	83.0	6.00	7.00	13.00	
11	H25.C00017	Phạm Thị Thuỳ	Linh	03/07/83	Nữ	62.50	27.00	89.5	6.50	7.00	13.50	
12	H25.C00018	Phạm Ngọc	Linh	14/05/95		36.00	5.50	41.5	6.00	7.50	13.50	
13	H25.C00019	Trần Mỹ	Linh	25/09/95	Nữ	56.50	20.00	76.5	7.00	7.50	14.50	
14	H25.C00020	Hoàng Trang	Ly	15/04/86	Nữ	.	.		7.50	7.50	15.00	Miễn thi NN
15	H25.C00021	Nguyễn Tiến	Mạnh	04/07/95		58.00	23.00	81.0	6.50	6.50	13.00	
16	H25.C00022	Nguyễn Đức	Minh	24/10/95		.	.		7.00	7.50	14.50	Miễn thi NN
17	H25.C00023	Nguyễn Ngọc	Ngà	29/08/94	Nữ	21.50	1.00	22.5	5.50	6.50	12.00	
18	H25.C00024	Lê Hà	Phương	02/09/95	Nữ	54.00	21.00	75.0	6.00	6.50	12.50	
19	H25.C00025	Nhữ Hồng	Quang	26/12/95		.	.		5.00	7.50	12.50	Miễn thi NN
20	H25.C00027	Đặng Thanh	Sơn	24/03/95		60.50	21.50	82.0	7.50	7.50	15.00	
21	H25.C00028	Trần Thị Thanh	Thảo	11/10/93	Nữ	.	.		5.00	6.50	11.50	Miễn thi NN
22	H25.C00029	Nguyễn Cảnh	Thăng	20/05/80		60.50	8.00	68.5	5.50	7.00	12.50	
23	H25.C00030	Nguyễn Chiến	Thắng	05/07/94		61.50	25.00	86.5	7.00	7.50	14.50	
24	H25.C00031	Nguyễn Đắc	Thắng	09/11/84		24.00	6.50	30.5	5.00	6.50	11.50	
25	H25.C00033	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	04/06/94	Nữ	49.50	16.50	66.0	4.50	7.00	11.50	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - Nghiên cứu

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
26	H25.C00034	Trương Thị Huyền	Trang	12/12/93	Nữ	58.00	22.00	80.0	5.00	6.00	11.00	
27	H25.C00035	Phạm Quang	Tuấn	22/04/86		47.00	0.00	47.0	5.75	6.00	11.75	
28	H25.C00162	Ninh Thị	Hà	09/09/94	Nữ	60.50	10.00	70.5	5.50	5.50	11.00	

Cộng ngành : 28 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG H25C : 28 THÍ SINH

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

* *Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
1	H25.C1 00036	Bùi Thị Bảo	Anh	24/08/94	Nữ	67.00	24.50	91.5	6.50	8.00	14.50	
2	H25.C1 00046	Đỗ Vân	Anh	16/04/95	Nữ	59.00	15.50	74.5	6.00	8.00	14.00	
3	H25.C1 00076	Nông Phương	Anh	01/08/90	Nữ	66.00	19.00	85.0	7.50	8.00	15.50	
4	H25.C1 00077	Phan Tuyết Vân	Anh	03/06/94	Nữ	67.00	24.00	91.0	8.00	8.50	16.50	
5	H25.C1 00094	Triệu Thị	Bình	20/12/91	Nữ	55.00	12.50	77.5	8.00	7.50	15.50	Ưu tiên
6	H25.C1 00103	Lê	Cường	10/11/94		64.50	11.00	75.5	6.50	7.50	14.00	
7	H25.C1 00119	Hà Thị	Duyên	20/11/78	Nữ	62.00	20.00	82.0	7.00	7.00	14.00	
8	H25.C1 00129	Trịnh Tiến	Dũng	18/01/82		64.50	14.00	78.5	6.50	8.00	14.50	
9	H25.C1 00141	Hoàng Minh	Đức	07/05/92		67.50	24.00	91.5	7.00	6.50	13.50	
10	H25.C1 00152	Lê Thị Thu	Hà	04/08/95	Nữ	.	.		5.00	5.00	10.00	Miễn thi NN
11	H25.C1 00171	Nguyễn Sơn	Hải	10/02/95		38.00	11.50	49.5	8.00	7.00	15.00	
12	H25.C1 00175	Võ Minh	Hải	04/11/83	Nữ	66.00	18.00	84.0	8.00	6.00	14.00	
13	H25.C1 00197	Đoàn Trung	Hiếu	05/02/95		46.50	20.50	67.0	7.00	7.50	14.50	
14	H25.C1 00199	Nguyễn Chí	Hiếu	20/10/95		63.50	26.00	89.5	8.00	8.00	16.00	
15	H25.C1 00208	Hoàng Thị Phương	Hoa	22/03/95	Nữ	47.50	19.00	76.5	9.00	7.50	16.50	Ưu tiên
16	H25.C1 00228	Phạm Thị	Hoà	19/03/93	Nữ	62.00	12.50	74.5	5.50	6.75	12.25	
17	H25.C1 00230	Vũ Thị Thanh	Hoà	13/10/93	Nữ	55.50	20.00	75.5	6.00	7.50	13.50	
18	H25.C1 00238	Vũ Thị Minh	Huệ	22/04/94	Nữ	62.00	17.00	79.0	5.50	8.00	13.50	
19	H25.C1 00240	Nguyễn Thi Thu	Hương	14/09/74	Nữ	.	.		8.00	8.00	16.00	Miễn thi NN
20	H25.C1 00263	Triệu Tiến	Hùng	25/09/93		62.50	17.00	79.5	6.00	7.50	13.50	
21	H25.C1 00268	Hoàng Hải	Hương	11/06/84	Nữ	.	.		7.00	8.00	15.00	Miễn thi NN
22	H25.C1 00273	Nguyễn Thu	Hương	10/10/93	Nữ	57.50	15.00	72.5	6.50	8.00	14.50	
23	H25.C1 00283	Vũ Văn	Lai	28/08/80	Nữ	59.00	25.00	84.0	7.50	8.00	15.50	
24	H25.C1 00288	Nguyễn Thị Phương	Lan	13/11/94	Nữ	.	.		7.00	8.00	15.00	Miễn thi NN
25	H25.C1 00292	Đồng Thị	Len	21/09/92	Nữ	66.50	25.00	91.5	8.00	7.50	15.50	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

* *Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
26	H25.C1 00327	Nguyễn Thị Diệu	Linh	11/12/93	Nữ	66.00	24.00	90.0	8.00	8.00	16.00	
27	H25.C1 00339	Phạm Ngọc	Linh	31/12/90	Nữ	61.50	12.00	73.5	5.50	8.00	13.50	
28	H25.C1 00347	Vũ Thị Tuyết	Loan	18/07/88	Nữ	42.00	14.00	56.0	5.00	8.00	13.00	
29	H25.C1 00350	Nguyễn Đức	Long	10/01/89		67.50	20.00	87.5	5.50	6.00	11.50	
30	H25.C1 00381	Nguyễn Ngọc	Minh	14/09/81		.	.		5.00	7.00	12.00	Miễn thi NN
31	H25.C1 00389	Nguyễn Trà	My	15/07/91	Nữ	53.00	15.50	68.5	4.00	6.50	10.50	
32	H25.C1 00403	Hà Thị Minh	Ngân	01/12/95	Nữ	55.00	19.50	74.5	8.00	8.00	16.00	
33	H25.C1 00408	Bùi Thị	Ngọc	08/12/92	Nữ	41.50	10.00	51.5	8.00	8.00	16.00	
34	H25.C1 00428	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/04/95	Nữ	.	.		6.50	7.50	14.00	Miễn thi NN
35	H25.C1 00429	Phan Thị Phương	Nhung	29/12/94	Nữ	49.50	10.00	59.5	7.50	7.50	15.00	
36	H25.C1 00438	Lê Anh	Phương	08/08/93	Nữ	.	.		7.00	7.50	14.50	Miễn thi NN
37	H25.C1 00439	Nguyễn Thị	Phượng	20/01/93	Nữ	52.00	12.00	64.0	6.00	7.00	13.00	
38	H25.C1 00440	Đào Thị Lan	Phương	21/05/88	Nữ	29.50	17.00	46.5	7.00	7.50	14.50	
39	H25.C1 00452	Nguyễn Đan	Phượng	15/12/95	Nữ	33.50	11.00	44.5	6.50	8.00	14.50	
40	H25.C1 00453	Lê Văn	Quang	10/11/94		40.50	2.00	42.5	7.00	7.00	14.00	
41	H25.C1 00458	Đặng Thị	Quyên	04/02/93	Nữ	41.50	12.00	53.5	7.00	7.50	14.50	
42	H25.C1 00506	Nguyễn Văn	Thắng	01/06/89		34.00	11.00	45.0	7.50	7.00	14.50	
43	H25.C1 00548	Lương Văn	Tiến	08/05/83		66.00	17.00	83.0	7.50	7.00	14.50	
44	H25.C1 00550	Phan Huy	Tích	19/08/86		58.00	13.50	71.5	5.50	8.00	13.50	
45	H25.C1 00557	Đinh ThịThu	Trang	21/10/89	Nữ	63.00	6.00	69.0	7.50	7.50	15.00	
46	H25.C1 00560	Hoàng Thị Thu	Trang	29/08/90	Nữ	49.50	22.00	71.5	6.00	6.00	12.00	
47	H25.C1 00570	Nguyễn Hoàng Kiều	Trang	29/10/95	Nữ	56.00	23.00	79.0	7.50	7.00	14.50	
48	H25.C1 00580	Phạm Ngọc	Trang	20/10/90	Nữ	.	.		6.00	7.00	13.00	Miễn thi NN
49	H25.C1 00590	Trần Văn	Triển	09/12/74		52.00	24.00	76.0	6.50	8.00	14.50	
50	H25.C1 00598	Nguyễn Quang	Trung	16/10/90		50.50	26.00	76.5	6.00	8.00	14.00	

BIỂU SỐ 07/T8ĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật hiến pháp và luật hành chính*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
51	H25.C1 00599	Nguyễn Tài	Trung	26/02/71	Nữ	66.00	9.00	75.0	6.00	7.50	13.50	
52	H25.C1 00602	Tống Văn	Trực	03/12/82		51.00	11.00	62.0	7.00	8.00	15.00	
53	H25.C1 00605	Lại Minh	Tuấn	12/09/82	Nữ	66.00	13.00	79.0	7.50	8.00	15.50	
54	H25.C1 00631	Hoàng Quốc	Việt	27/10/85	Nữ	69.00	2.00	71.0	6.00	8.00	14.00	

Cộng ngành : 54 thí sinh

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật dân sự và TTDS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
1	H25.C1 00037	Bùi Tuấn	Anh	13/11/87		42.50	2.00	44.5	5.50	5.25	10.75	
2	H25.C1 00042	Đặng Quỳnh	Anh	19/06/92	Nữ	59.50	25.00	84.5	7.50	6.50	14.00	
3	H25.C1 00052	Lê Vân	Anh	20/06/91	Nữ	66.00	16.50	82.5	7.50	6.50	14.00	
4	H25.C1 00058	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/07/76	Nữ	46.50	18.50	65.0	4.00	3.75	7.75	
5	H25.C1 00059	Nguyễn Thị Tú	Anh	26/08/95	Nữ	62.00	6.00	68.0	5.00	5.25	10.25	
6	H25.C1 00066	Nguyễn Lan	Anh	05/08/91	Nữ	64.00	25.00	89.0	6.00	5.75	11.75	
7	H25.C1 00071	Nguyễn Duy	Anh	23/08/95		.	.		7.00	7.25	14.25	Miễn thi NN
8	H25.C1 00074	Nguyễn Hải	Anh	29/01/95		61.50	21.00	82.5	5.00	6.25	11.25	
9	H25.C1 00079	Trần Đào Tùng	Anh	10/09/93		56.00	22.00	78.0	6.00	5.00	11.00	
10	H25.C1 00087	Đinh Thị Ngọc	Bích	12/10/95	Nữ	44.00	7.00	51.0	5.75	4.50	10.25	
11	H25.C1 00088	Đỗ Thị	Bình	04/03/94	Nữ	56.50	15.50	72.0	5.00	5.00	10.00	
12	H25.C1 00090	Nguyễn Thị Thanh	Bình	09/12/92	Nữ	56.00	15.00	71.0	5.50	5.50	11.00	
13	H25.C1 00091	Nguyễn Xuân	Bình	04/06/92		66.00	14.00	80.0	7.00	6.00	13.00	
14	H25.C1 00098	Lê Mai	Chi	21/08/95	Nữ	55.00	22.50	77.5	6.00	5.00	11.00	
15	H25.C1 00099	Mai Linh	Chi	12/10/95	Nữ	.	.		8.50	7.00	15.50	Miễn thi NN
16	H25.C1 00114	Lương An	Dung	30/11/94	Nữ	36.00	11.00	57.0	6.75	5.00	11.75	Ưu tiên
17	H25.C1 00118	Cao Thị	Duyên	08/08/89	Nữ	41.00	17.00	58.0	5.25	4.75	10.00	
18	H25.C1 00120	Lê Mỹ	Duyên	21/02/94	Nữ	61.00	17.50	78.5	7.00	5.50	12.50	
19	H25.C1 00122	Tạ Khánh	Duy	21/10/95		61.00	24.00	85.0	5.00	5.50	10.50	
20	H25.C1 00126	Nguyễn Việt	Dũng	10/11/95		57.50	21.50	79.0	7.00	6.25	13.25	
21	H25.C1 00127	Nguyễn Tiến	Dũng	20/07/94		52.50	15.00	67.5	7.25	6.50	13.75	
22	H25.C1 00137	Nguyễn Văn	Điệp	02/01/93		.	.		6.00	.	6.00	
23	H25.C1 00140	Bùi Minh	Đức	20/12/95		25.50	1.00	36.5	8.00	7.50	15.50	Ưu tiên
24	H25.C1 00143	Nguyễn Anh	Đức	03/01/95		50.00	18.00	68.0	7.00	6.00	13.00	
25	H25.C1 00148	Hà Thị	Giáng	09/01/92	Nữ	40.50	11.00	51.5	5.00	7.00	12.00	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật dân sự và TTDS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
26	H25.C1 00155	Lê Thị Thu	Hà	23/03/95	Nữ	62.00	23.00	85.0	7.25	7.00	14.25	
27	H25.C1 00157	Lưu Thị Thu	Hà	17/03/93	Nữ	41.00	1.00	42.0	7.00	6.00	13.00	
28	H25.C1 00159	Nguyễn Thị Việt	Hà	03/08/88	Nữ	44.00	12.00	66.0	7.50	7.00	14.50	Ưu tiên
29	H25.C1 00166	Phạm Thu	Hà	27/11/85	Nữ	64.00	27.50	91.5	7.00	5.50	12.50	
30	H25.C1 00170	Nguyễn Thị Minh	Hải	22/07/77	Nữ	67.50	15.50	83.0	7.00	7.00	14.00	
31	H25.C1 00177	Nguyễn Thị Hồng	Hảo	07/09/94	Nữ	49.00	20.00	69.0	4.75	7.00	11.75	
32	H25.C1 00183	Ngô Ngọc	Hân	01/10/86	Nữ	24.50	10.00	34.5	5.50	5.25	10.75	
33	H25.C1 00187	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	15/12/94	Nữ	63.50	22.00	85.5	6.00	5.00	11.00	
34	H25.C1 00196	Vũ Thu	Hằng	13/09/95	Nữ	66.00	26.00	92.0	5.50	5.75	11.25	
35	H25.C1 00200	Nguyễn Xuân	Hiếu	26/07/94		.	.		8.50	5.50	14.00	Miễn thi NN
36	H25.C1 00202	Nguyễn Đức	Hiệp	18/04/91		67.50	24.00	91.5	5.00	7.50	12.50	
37	H25.C1 00203	Hoàng Thị	Hiền	14/05/93	Nữ	.	.		5.75	5.50	11.25	Miễn thi NN
38	H25.C1 00204	Lê Thu	Hiền	20/09/80	Nữ	48.00	12.00	60.0	3.50	6.00	9.50	
39	H25.C1 00205	Nguyễn Thị	Hiền	29/08/90	Nữ	66.00	7.50	73.5	3.50	1.50	5.00	
40	H25.C1 00206	Trịnh Thu	Hiền	03/11/89	Nữ	65.50	24.00	89.5	6.00	6.00	12.00	
41	H25.C1 00207	Hoàng Thị Mỹ	Hoa	11/11/91	Nữ	46.00	7.50	53.5	5.25	4.50	9.75	
42	H25.C1 00209	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	13/10/91	Nữ	.	.		4.25	5.00	9.25	Miễn thi NN
43	H25.C1 00211	Nguyễn Thị	Hoa	28/03/93	Nữ	33.00	9.00	42.0	5.00	5.75	10.75	
44	H25.C1 00221	Nguyễn Anh	Hoàng	11/12/92		53.00	16.00	69.0	6.50	5.50	12.00	
45	H25.C1 00236	Phạm Văn	Huấn	25/05/86		43.50	6.00	49.5	6.00	5.00	11.00	
46	H25.C1 00242	Bùi Quang	Huy	22/11/94		57.50	21.00	78.5	6.00	5.25	11.25	
47	H25.C1 00248	Hoàng Thị Thu	Huyền	10/12/95	Nữ	.	.		8.00	7.00	15.00	Miễn thi NN
48	H25.C1 00252	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	09/11/93	Nữ	50.50	16.00	66.5	5.00	3.75	8.75	
49	H25.C1 00257	Vũ Thị Thanh	Huyền	27/05/93	Nữ	.	.		5.50	7.50	13.00	Miễn thi NN
50	H25.C1 00259	Phạm Đức	Huy	21/07/92		54.00	6.00	60.0	6.50	5.00	11.50	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật dân sự và TTDS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
51	H25.C1 00262	Phạm Ngọc	Hùng	03/03/93		54.00	7.50	61.5	6.50	4.50	11.00	
52	H25.C1 00266	Bế Thị	Hương	28/12/94	Nữ	59.50	10.50	80.0	6.00	4.50	10.50	Ưu tiên
53	H25.C1 00276	Nguyễn Thị	Hường	16/09/93	Nữ	47.50	5.00	52.5	6.50	4.50	11.00	
54	H25.C1 00279	Nguyễn Bá	Khuyến	03/11/92		25.00	1.00	26.0	4.25	4.25	8.50	
55	H25.C1 00281	Đào Trung	Kiên	25/03/85		38.00	1.00	49.0	5.00	5.00	10.00	Ưu tiên
56	H25.C1 00286	Hoàng Linh	Lan	03/02/90	Nữ	41.00	0.00	51.0	5.00	5.75	10.75	Ưu tiên
57	H25.C1 00287	Lại Ngọc	Lan	12/07/74		60.50	21.50	82.0	8.00	6.25	14.25	
58	H25.C1 00294	Đỗ Thị Quỳnh	Liên	10/10/95	Nữ	44.50	6.00	50.5	4.50	3.75	8.25	
59	H25.C1 00297	Nguyễn Thị Phương	Liên	17/12/92	Nữ	.	.		6.50	6.00	12.50	Miễn thi NN
60	H25.C1 00300	Phan Thị Hồng	Liên	25/11/95	Nữ	39.50	18.50	58.0	7.00	5.75	12.75	
61	H25.C1 00302	Bế Thị Thuỳ	Linh	02/01/90	Nữ	36.00	2.00	48.0	5.00	6.50	11.50	Ưu tiên
62	H25.C1 00303	Bùi Mỹ	Linh	27/04/94	Nữ	48.50	13.00	61.5	4.50	5.00	9.50	
63	H25.C1 00304	Bùi Khánh	Linh	29/12/94	Nữ	.	.		6.50	6.75	13.25	Miễn thi NN
64	H25.C1 00309	Đỗ Thị Thuỳ	Linh	26/06/93	Nữ	50.50	19.50	70.0	6.00	3.50	9.50	
65	H25.C1 00315	Mai Thị Thuỳ	Linh	17/09/92	Nữ	44.50	8.50	53.0	6.50	5.00	11.50	
66	H25.C1 00317	Mai Thị Thuỳy	Linh	29/08/93	Nữ	42.50	18.00	60.5	5.50	6.50	12.00	
67	H25.C1 00320	Nguyễn Đình Thị	Linh	23/10/95	Nữ	55.00	18.00	73.0	6.50	5.50	12.00	
68	H25.C1 00321	Nguyễn Thị Bảo	Linh	23/08/95	Nữ	60.50	9.00	69.5	4.25	7.00	11.25	
69	H25.C1 00322	Nguyễn Trần Diệu	Linh	09/06/94	Nữ	57.50	24.00	91.5	7.50	4.50	12.00	Ưu tiên
70	H25.C1 00323	Nguyễn Thị Mai	Linh	26/07/94	Nữ	30.50	0.00	30.5	5.00	5.75	10.75	
71	H25.C1 00331	Nguyễn Phương	Linh	11/10/95	Nữ	66.00	21.00	87.0	4.50	6.00	10.50	
72	H25.C1 00341	Triệu Thuỳ	Linh	12/05/95	Nữ	35.50	14.50	60.0	7.75	7.50	15.25	Ưu tiên
73	H25.C1 00345	Dương Thị Châu	Loan	03/11/94	Nữ	31.50	2.00	33.5	6.50	5.50	12.00	
74	H25.C1 00354	Phạm Văn	Long	06/02/95		31.50	3.00	34.5	4.00	4.00	8.00	
75	H25.C1 00356	Vũ Hoàng	Long	22/12/94		.	.		6.50	5.50	12.00	Miễn thi NN

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật dân sự và TTDS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
76	H25.C1 00361	Nguyễn Đức	Lợi	19/06/89		60.00	21.00	81.0	6.00	5.00	11.00	
77	H25.C1 00362	Vi Thị	Luyến	28/04/95	Nữ	22.00	0.00	32.0	7.00	5.00	12.00	Ưu tiên
78	H25.C1 00366	Dương Thiên	Lý	04/11/94	Nữ	46.00	16.50	62.5	7.00	6.00	13.00	
79	H25.C1 00372	Nguyễn Quỳnh	Mai	06/09/84	Nữ	63.50	21.50	85.0	5.50	7.25	12.75	
80	H25.C1 00373	Nguyễn Yến	Mai	21/09/92	Nữ	33.50	11.00	44.5	6.00	5.75	11.75	
81	H25.C1 00376	Trần Đức	Mạnh	23/05/93		.	.		6.50	6.25	12.75	Miễn thi NN
82	H25.C1 00385	Lê Hoàng Trà	My	16/09/95	Nữ	60.00	23.00	93.0	6.00	6.00	12.00	Ưu tiên
83	H25.C1 00390	Phùng Trà	My	03/05/94	Nữ	.	.		3.25	.	3.25	Miễn thi NN
84	H25.C1 00393	Nguyễn Nhất	Nam	21/12/94		57.50	21.00	88.5	8.00	6.00	14.00	Ưu tiên
85	H25.C1 00394	Nguyễn Vĩnh	Nam	25/01/88		34.50	6.00	40.5	7.00	6.50	13.50	
86	H25.C1 00398	Nguyễn Thị	Nga	23/10/95	Nữ	.	.		7.50	3.75	11.25	Miễn thi NN
87	H25.C1 00399	Trần Thị Thuý	Nga	15/01/93	Nữ	42.00	5.00	47.0	6.00	4.50	10.50	
88	H25.C1 00411	Đường Văn	Ngọc	20/12/93		16.50	2.00	18.5	6.00	4.50	10.50	
89	H25.C1 00412	Hoàng Thị	Ngọc	19/05/89	Nữ	16.00	0.00	26.0	5.50	6.25	11.75	Ưu tiên
90	H25.C1 00416	Nguyễn Thị	Ngọc	20/02/93	Nữ	44.50	8.50	53.0	6.00	5.25	11.25	
91	H25.C1 00417	Trương Hồng	Ngọc	22/12/95	Nữ	.	.		7.00	6.50	13.50	Miễn thi NN
92	H25.C1 00419	Lê Thế	Nguyên	15/07/75		28.00	2.00	30.0	5.00	5.00	10.00	
93	H25.C1 00421	Nguyễn Anh	Nguyễn	25/09/90		31.50	3.00	34.5	5.50	4.00	9.50	
94	H25.C1 00422	Nguyễn Thanh	Nguyệt	17/03/95	Nữ	63.00	23.00	86.0	5.50	6.00	11.50	
95	H25.C1 00430	Phùng Thị Bảo	Nhung	16/10/95	Nữ	50.00	22.00	72.0	7.00	6.00	13.00	
96	H25.C1 00432	Phạm Thị Quỳnh	Như	20/01/95	Nữ	27.50	10.00	37.5	5.00	5.00	10.00	
97	H25.C1 00442	Lưu Thị	Phương	08/06/95	Nữ	51.50	20.50	72.0	5.00	5.50	10.50	
98	H25.C1 00454	Nguyễn Ngọc	Quang	21/06/81		66.00	13.00	79.0	7.50	7.00	14.50	
99	H25.C1 00472	Đào Văn	Tài	05/11/94		35.50	4.00	39.5	5.50	6.00	11.50	
100	H25.C1 00499	Phạm Phương	Thảo	20/11/93	Nữ	24.00	0.00	24.0	5.75	4.50	10.25	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật dân sự và TTDS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
101	H25.C1 00500	Trần Phương	Thảo	19/01/93	Nữ	50.00	15.00	65.0	8.00	6.25	14.25	
102	H25.C1 00508	Nguyễn Quang	Thắng	15/10/92		62.50	17.50	80.0	4.50	4.00	8.50	
103	H25.C1 00512	Dương Mỹ	Thiện	20/08/93	Nữ	31.00	0.00	41.0	8.00	6.00	14.00	Ưu tiên
104	H25.C1 00513	Đào Tiến	Thịnh	17/08/92		64.00	22.00	86.0	7.25	6.50	13.75	
105	H25.C1 00514	Hoàng Kim	Thoa	07/10/70	Nữ	.	.		7.00	.	7.00	
106	H25.C1 00515	Trần Đình	Thông	19/10/95		37.50	2.00	39.5	6.50	5.00	11.50	
107	H25.C1 00520	Nguyễn Thị Lan	Thu	25/05/89	Nữ	66.00	0.00	66.0	6.00	5.50	11.50	
108	H25.C1 00522	Phùng Thị Mai	Thu	02/11/85	Nữ	40.50	6.00	46.5	7.00	5.50	12.50	
109	H25.C1 00529	Tưởng Thị	Thuỷ	29/06/95	Nữ	64.50	14.00	78.5	7.50	7.00	14.50	
110	H25.C1 00533	Dương Thị	Thuỷ	10/12/92	Nữ	20.00	1.00	21.0	4.00	5.00	9.00	
111	H25.C1 00537	Nguyễn Thu	Thuỷ	01/08/95	Nữ	.	.		7.00	7.25	14.25	Miễn thi NN
112	H25.C1 00539	Nguyễn Thị	Thuỷ	25/11/95	Nữ	38.50	8.00	46.5	6.50	5.00	11.50	
113	H25.C1 00540	Trần Thị Lệ	Thuỷ	02/10/95	Nữ	51.50	15.00	66.5	8.25	6.25	14.50	
114	H25.C1 00545	Đỗ Thuỷ	Tiên	13/04/94	Nữ	64.00	25.00	89.0	7.00	5.50	12.50	
115	H25.C1 00563	Lê Thị	Trang	06/07/93	Nữ	55.50	13.50	69.0	6.00	7.25	13.25	
116	H25.C1 00567	Nguyễn Thị Thảo	Trang	23/11/95	Nữ	53.00	12.00	65.0	6.00	4.75	10.75	
117	H25.C1 00576	Phạm Thị Thuỳ	Trang	02/12/92	Nữ	39.50	4.00	43.5	3.50	5.50	9.00	
118	H25.C1 00583	Tăng Nữ Tiểu	Trang	15/08/94	Nữ	58.00	9.00	67.0	7.50	5.00	12.50	
119	H25.C1 00587	Trần Thị	Trang	12/04/94	Nữ	48.50	20.50	69.0	6.25	5.00	11.25	
120	H25.C1 00593	Nguyễn Thị Tố	Trinh	24/03/95	Nữ	66.00	23.50	89.5	6.25	5.75	12.00	
121	H25.C1 00595	Nguyễn Hữu	Trọng	15/06/95		.	.		6.50	6.00	12.50	Miễn thi NN
122	H25.C1 00600	Vũ Văn	Trung	28/08/91		.	.		5.50	.	5.50	
123	H25.C1 00608	Vũ Hữu	Tuấn	20/01/82		.	.		3.50	.	3.50	
124	H25.C1 00610	Nguyễn Thị	Tuyết	11/06/91	Nữ	52.50	7.00	59.5	8.00	5.50	13.50	
125	H25.C1 00611	Nguyễn Diệu	Tuyết	19/01/85	Nữ	38.00	3.00	41.0	4.25	5.00	9.25	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật dân sự và TTDS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
126	H25.C1 00612	Nguyễn Thị	Tuyết	22/12/95	Nữ	54.00	23.00	77.0	7.00	5.00	12.00	
127	H25.C1 00613	Nguyễn Thị Thanh	Tú	25/06/77	Nữ	66.00	7.50	73.5	8.00	6.00	14.00	
128	H25.C1 00614	Nguyễn Duy	Tùng	02/08/90		31.00	1.00	32.0	2.00	2.00	4.00	
129	H25.C1 00618	Nguyễn	Tùng	18/10/95		67.50	24.00	91.5	6.00	6.00	12.00	
130	H25.C1 00628	Nguyễn Thị Hồng	Vân	09/05/94	Nữ	66.00	13.00	79.0	7.75	7.25	15.00	
131	H25.C1 00629	Nguyễn Thị	Vân	21/03/95	Nữ	.	.		5.00	5.75	10.75	Miễn thi NN
132	H25.C1 00630	Phạm Hồng	Vân	08/10/93	Nữ	37.50	10.00	47.5	5.00	5.50	10.50	
133	H25.C1 00634	Nguyễn Thị	Vi	05/06/91	Nữ	49.00	13.50	62.5	7.50	6.75	14.25	
134	H25.C1 00639	Nguyễn Đình	Vinh	09/09/77		66.00	16.00	82.0	8.50	6.50	15.00	
135	H25.C1 00647	Đặng Hải	Yến	14/11/94	Nữ	39.00	15.00	54.0	6.50	5.50	12.00	
136	H25.C1 00652	Nguyễn Thị	Yến	19/05/95	Nữ	56.00	17.00	73.0	4.00	4.50	8.50	
137	H25.C1 00655	Phạm Bảo	Yến	02/09/93	Nữ	66.00	17.00	83.0	8.00	7.50	15.50	
138	H25.C1 00660	Phạm Thị	Hoa	03/07/92	Nữ	44.50	20.00	64.5	6.50	6.75	13.25	

Cộng ngành : 138 thí sinh

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỐ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật hình sự và TTHS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
1	H25.C1 00048	Hoàng Thị Kim	Anh	06/04/94	Nữ	44.00	14.00	68.0	4.50	6.50	11.00	Ưu tiên
2	H25.C1 00055	Lương Dương Tùng	Anh	30/10/91		55.00	17.00	72.0	4.50	7.25	11.75	
3	H25.C1 00056	Ngô Thị Vân	Anh	15/07/95	Nữ	55.50	19.00	74.5	2.50	6.00	8.50	
4	H25.C1 00060	Nguyễn Thị Diệu	Anh	28/10/90	Nữ	33.50	8.50	42.0	3.00	4.25	7.25	
5	H25.C1 00073	Nguyễn Ngọc	Anh	24/11/92	Nữ	49.00	20.00	69.0	5.50	5.50	11.00	
6	H25.C1 00089	Ngô Thanh	Bình	10/01/86		40.00	3.00	43.0	5.00	7.25	12.25	
7	H25.C1 00096	Vũ Xuân	Bình	20/06/80		13.00	1.00	14.0	2.75	4.25	7.00	
8	H25.C1 00100	Phùng Tuyết	Chinh	25/12/92	Nữ	39.00	7.00	46.0	3.50	7.00	10.50	
9	H25.C1 00104	Nguyễn Hùng	Cường	20/03/93	Nữ	28.00	0.00	28.0	3.75	6.75	10.50	
10	H25.C1 00110	Phạm Thị	Din	16/10/95	Nữ	58.50	19.00	77.5	5.00	6.00	11.00	
11	H25.C1 00130	Nguyễn Thị ánh	Dương	28/04/94	Nữ	17.50	1.00	18.5	5.25	4.50	9.75	
12	H25.C1 00131	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	14/09/95	Nữ	.	.		5.50	9.00	14.50	Miễn thi NN
13	H25.C1 00134	Bùi Linh	Đan	01/02/95	Nữ	58.50	19.00	77.5	3.00	7.00	10.00	
14	H25.C1 00135	Phạm Quang	Đại	07/04/92		67.00	25.00	92.0	4.25	6.25	10.50	
15	H25.C1 00136	Nguyễn Thành	Đạt	08/10/89		60.50	4.00	64.5	4.00	7.00	11.00	
16	H25.C1 00138	Hoàng Thị	Đoài	18/10/93	Nữ	40.50	10.50	51.0	3.25	5.75	9.00	
17	H25.C1 00142	Hoàng Minh	Đức	09/12/93		20.00	0.00	20.0	1.00	5.50	6.50	
18	H25.C1 00145	Đỗ Hoàng	Giang	07/08/93	Nữ	47.00	15.00	62.0	3.50	5.00	8.50	
19	H25.C1 00151	Hoàng Thu	Hà	15/03/94	Nữ	25.50	0.00	35.5	4.75	5.75	10.50	Ưu tiên
20	H25.C1 00153	Lê Thị Thu	Hà	10/03/84	Nữ	28.00	3.00	31.0	2.00	3.50	5.50	
21	H25.C1 00182	Quản Mỹ	Hạnh	09/01/94	Nữ	65.50	25.00	90.5	1.75	7.75	9.50	
22	H25.C1 00193	Phạm Thu	Hằng	28/04/89	Nữ	48.50	16.00	64.5	3.75	7.00	10.75	
23	H25.C1 00195	Vũ Thị Thanh	Hằng	07/11/95	Nữ	65.50	26.00	91.5	7.00	8.50	15.50	
24	H25.C1 00198	Lê Trung	Hiếu	09/05/94	Nữ	44.00	14.00	58.0	5.00	6.50	11.50	
25	H25.C1 00210	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	02/09/94	Nữ	35.50	4.00	39.5	4.25	7.50	11.75	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật hình sự và TTHS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
26	H25.C1 00216	Lý Thị	Hoài	16/07/89	Nữ	28.50	2.00	40.5	5.50	7.00	12.50	Ưu tiên
27	H25.C1 00224	Ninh Việt	Hoàng	17/10/93		46.00	21.00	67.0	4.00	6.00	10.00	
28	H25.C1 00225	Nguyễn Thị Ngọc	Hoà	12/07/95	Nữ	45.50	17.00	62.5	2.25	6.50	8.75	
29	H25.C1 00244	Lê Nhật	Huy	06/09/89	Nữ	42.50	13.50	56.0	3.50	7.00	10.50	
30	H25.C1 00253	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	11/07/93	Nữ	47.00	2.00	49.0	5.00	8.00	13.00	
31	H25.C1 00255	Phạm Thị Thu	Huyền	10/11/92	Nữ	42.50	6.00	48.5	4.00	4.75	8.75	
32	H25.C1 00256	Phạm Ngọc	Huyền	02/07/94	Nữ	59.50	21.00	80.5	4.50	8.25	12.75	
33	H25.C1 00260	Bùi Xuân	Hùng	05/12/94		37.50	13.00	50.5	3.00	5.50	8.50	
34	H25.C1 00264	Nguyễn Đức	Hưng	12/07/93		.	.		5.25	6.75	12.00	Miễn thi NN
35	H25.C1 00265	Nguyễn Quang	Hưng	23/12/86		57.50	14.00	71.5	6.50	8.75	15.25	
36	H25.C1 00270	Lư Thu	Hương	10/09/89	Nữ	59.00	22.00	81.0	6.00	5.50	11.50	
37	H25.C1 00271	Nguyễn Thu	Hương	21/11/95	Nữ	50.00	19.00	69.0	5.00	6.25	11.25	
38	H25.C1 00290	Trần Thị Hương	Lan	16/03/82	Nữ	63.50	14.00	77.5	2.50	6.75	9.25	
39	H25.C1 00305	Chu Thị Ngọc	Linh	13/11/95	Nữ	.	.		5.50	8.25	13.75	Miễn thi NN
40	H25.C1 00353	Phạm Ngọc	Long	03/02/94		.	.		4.00	7.25	11.25	Miễn thi NN
41	H25.C1 00358	Hoàng Xuân	Lộc	24/11/89		40.50	12.00	52.5	5.00	6.25	11.25	
42	H25.C1 00364	Nguyễn Khánh	Ly	16/12/95	Nữ	.	.		4.50	5.75	10.25	Miễn thi NN
43	H25.C1 00374	Trần Ngọc	Mai	16/04/91	Nữ	.	.		3.50	5.50	9.00	Miễn thi NN
44	H25.C1 00377	Trần Thị	Mến	04/11/94	Nữ	22.00	12.00	34.0	4.25	4.25	8.50	
45	H25.C1 00391	Đào Hải	Nam	14/09/95		60.50	22.00	82.5	4.50	6.50	11.00	
46	H25.C1 00405	Dương Minh	Nghĩa	05/10/93		59.50	18.50	78.0	4.50	6.00	10.50	
47	H25.C1 00409	Đỗ Hồng Bảo	Ngọc	27/12/95	Nữ	.	.		6.00	5.50	11.50	Miễn thi NN
48	H25.C1 00423	Nguyễn Minh	Nguyệt	30/05/95	Nữ	.	.		5.00	5.75	10.75	Miễn thi NN
49	H25.C1 00426	Định Thị Hồng	Nhung	04/02/93	Nữ	48.50	9.00	57.5	5.00	7.75	12.75	
50	H25.C1 00450	Nguyễn ánh	Phượng	18/02/94	Nữ	53.00	17.00	70.0	6.25	7.50	13.75	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật hình sự và TTHS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
51	H25.C1 00463	Tạ Hồng	Quỳnh	08/12/90	Nữ	51.00	17.00	68.0	4.25	8.25	12.50	
52	H25.C1 00466	Vũ Thị Thuý	Quỳnh	13/05/95	Nữ	47.00	12.50	59.5	5.00	7.25	12.25	
53	H25.C1 00467	Nguyễn Thị ánh	Sao	23/12/91	Nữ	61.50	20.00	81.5	5.00	8.00	13.00	
54	H25.C1 00468	Phạm Thị Mỹ	Sinh	01/11/89	Nữ	45.00	17.00	62.0	3.25	5.25	8.50	
55	H25.C1 00469	Nguyễn Ngọc	Sơn	25/05/94		.	.		2.50	6.00	8.50	Miễn thi NN
56	H25.C1 00474	Đinh Thị Thanh	Tâm	20/03/81	Nữ	50.00	18.50	68.5	3.25	7.00	10.25	
57	H25.C1 00476	Nguyễn Thị	Tâm	15/10/89	Nữ	41.50	20.00	61.5	5.00	5.25	10.25	
58	H25.C1 00498	Phạm Phương	Thảo	13/08/91	Nữ	.	.		5.00	7.75	12.75	Miễn thi NN
59	H25.C1 00502	Vì Thị Phương	Thảo	08/04/93	Nữ	41.50	13.00	64.5	7.50	8.50	16.00	Ưu tiên
60	H25.C1 00525	Nguyễn Thị	Thuý	22/08/81	Nữ	.	.		3.50	7.00	10.50	Miễn thi NN
61	H25.C1 00531	Triệu Hương	Thuỳ	18/06/95	Nữ	65.50	26.00	91.5	4.00	7.00	11.00	
62	H25.C1 00538	Nguyễn Phương	Thuỷ	22/05/95	Nữ	48.50	18.50	67.0	4.25	7.50	11.75	
63	H25.C1 00541	Hoàng Thị Minh	Thư	17/08/95	Nữ	.	.	10.0	5.50	7.00	12.50	Miễn thi NN - Ưu tiên
64	H25.C1 00549	Lương Văn	Tiệm	08/11/73	Nữ	21.00	1.00	22.0	4.50	6.25	10.75	
65	H25.C1 00551	Nguyễn Văn	Toàn	24/09/95		48.50	18.00	66.5	4.00	6.75	10.75	
66	H25.C1 00552	Bùi Thị Thu	Trang	13/02/93	Nữ	42.00	17.00	59.0	4.00	6.75	10.75	
67	H25.C1 00559	Hoàng Thị Phương	Trang	27/12/95	Nữ	67.50	23.00	90.5	5.50	6.50	12.00	
68	H25.C1 00565	Lý Thị Thuỳ	Trang	04/08/95	Nữ	52.00	19.50	71.5	5.00	8.00	13.00	
69	H25.C1 00597	Nguyễn Văn	Trung	17/04/93		46.00	13.50	59.5	5.00	7.00	12.00	
70	H25.C1 00601	Lư Kế	Trường	31/08/93		24.00	3.50	27.5	5.50	5.75	11.25	
71	H25.C1 00607	Trần Danh	Tuấn	25/04/92		24.50	1.00	25.5	3.00	7.50	10.50	
72	H25.C1 00615	Nguyễn Thanh	Tùng	02/10/93		50.50	2.00	52.5	3.75	7.50	11.25	
73	H25.C1 00616	Nguyễn Hữu	Tùng	08/04/95		63.00	21.50	84.5	3.75	6.00	9.75	
74	H25.C1 00617	Nguyễn Thanh	Tùng	12/07/91		62.00	22.50	84.5	3.00	7.00	10.00	
75	H25.C1 00627	Dương Thị Cẩm	Vân	28/01/89	Nữ	42.50	4.00	46.5	5.25	6.50	11.75	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật hình sự và TTHS*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
76	H25.C1 00650	Nguyễn Thị Minh	Yến	30/08/80	Nữ	22.00	0.50	22.5	1.00	3.50	4.50	
77	H25.C1 00651	Nguyễn Thị	Yến	13/11/90	Nữ	40.50	6.00	46.5	5.00	8.00	13.00	
78	H25.C1 00659	Vi Thị Hoàng	Yến	24/06/95	Nữ	.	.		3.25	6.00	9.25	Miễn thi NN

Cộng ngành : 78 thi sinh

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Tội phạm học và phòng ngừa TP*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
1	H25.C1 00044	Đỗ Thị Hải	Anh	21/09/94	Nữ	36.00	8.00	44.0	5.25	5.75	11.00	
2	H25.C1 00078	Phạm Tuấn	Anh	03/07/92		42.00	2.00	44.0	5.25	5.75	11.00	
3	H25.C1 00083	Nguyễn Ngọc	ánh	02/05/90	Nữ	64.00	20.00	84.0	4.25	5.00	9.25	
4	H25.C1 00107	Ma Kiều	Diễm	23/10/95	Nữ	.	.	10.0	5.75	7.25	13.00	Miễn thi NN - Ưu tiên
5	H25.C1 00123	Trần Anh	Duy	09/12/92		58.50	19.50	78.0	5.00	7.25	12.25	
6	H25.C1 00172	Nguyễn Hoàng	Hải	30/08/95		66.00	23.00	89.0	2.75	7.50	10.25	
7	H25.C1 00246	Nguyễn Trọng	Huy	30/08/87		.	.		4.50	.	4.50	
8	H25.C1 00278	Nguyễn Thị Minh	Khuê	08/03/94	Nữ	56.00	18.50	74.5	6.00	8.00	14.00	
9	H25.C1 00311	Hoàng Thuỳ	Linh	08/09/95	Nữ	64.50	21.50	86.0	5.00	6.50	11.50	
10	H25.C1 00318	Mai Thuỳ	Linh	05/10/89	Nữ	53.00	13.50	66.5	3.50	5.50	9.00	
11	H25.C1 00348	Lê Hoàng Bảo	Long	29/04/94		.	.	10.0	6.25	6.50	12.75	Miễn thi NN - Ưu tiên
12	H25.C1 00378	Đào Bá	Minh	17/04/95		.	.		5.00	5.75	10.75	Miễn thi NN
13	H25.C1 00380	Nguyễn Thị Anh	Minh	05/08/92	Nữ	55.00	24.50	79.5	4.25	7.00	11.25	
14	H25.C1 00395	Phạm Tiến	Nam	08/10/90		27.00	0.00	27.0	5.00	7.25	12.25	
15	H25.C1 00407	Phạm Văn	Nghĩa	09/04/68		41.00	16.50	57.5	3.00	5.00	8.00	
16	H25.C1 00444	Phạm Thị	Phương	17/07/95	Nữ	37.00	7.00	44.0	3.00	6.50	9.50	
17	H25.C1 00480	Bùi Hoàng	Thao	23/01/95		29.50	3.50	33.0	2.50	5.75	8.25	
18	H25.C1 00482	Đặng Thị Xuân	Thành	08/10/87	Nữ	60.50	24.50	85.0	4.25	6.00	10.25	
19	H25.C1 00503	Bùi Mạnh	Thắng	06/11/95		33.00	3.00	36.0	4.00	5.00	9.00	
20	H25.C1 00623	Nguyễn ý	Tưởng	06/03/91	Nữ	52.50	16.00	68.5	4.50	6.25	10.75	
21	H25.C1 00624	Hoàng Văn	Tự	10/11/92		26.00	0.00	36.0	4.00	5.50	9.50	Ưu tiên
22	H25.C1 00632	Nguyễn Văn	Việt	17/07/93		33.00	0.00	33.0	3.00	6.75	9.75	

Cộng ngành : 22 thí sinh

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
1	H25.C1 00038	Doãn Thị Thục	Anh	03/07/95	Nữ	.	.		7.50	7.75	15.25	Miễn thi NN
2	H25.C1 00041	Đào Duy	Anh	15/07/95		.	.		7.50	7.50	15.00	Miễn thi NN
3	H25.C1 00043	Đinh Xuân	Anh	01/12/95	Nữ	.	.	10.0	7.50	5.50	13.00	Miễn thi NN - Ưu tiên
4	H25.C1 00047	Đỗ Minh	Anh	29/08/95	Nữ	61.00	24.00	85.0	6.50	6.00	12.50	
5	H25.C1 00050	Lại Thị Thảo	Anh	09/10/94	Nữ	33.00	15.00	48.0	7.50	7.25	14.75	
6	H25.C1 00051	Lê Ngọc	Anh	09/12/94		.	.		7.50	6.50	14.00	Miễn thi NN
7	H25.C1 00054	Lê Quỳnh	Anh	29/12/95	Nữ	54.50	21.00	75.5	6.00	6.00	12.00	
8	H25.C1 00057	Nguyễn Lê Trúc	Anh	02/12/95	Nữ	41.50	13.00	54.5	6.00	5.00	11.00	
9	H25.C1 00062	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	15/11/95	Nữ	66.00	1.00	67.0	7.50	7.50	15.00	
10	H25.C1 00063	Nguyễn Thị Cẩm	Anh	10/07/87	Nữ	.	.		5.00	6.00	11.00	Miễn thi NN
11	H25.C1 00065	Nguyễn Phương	Anh	01/05/94	Nữ	31.00	0.00	31.0	5.50	5.00	10.50	
12	H25.C1 00067	Nguyễn Kim	Anh	09/06/95	Nữ	55.00	9.00	64.0	6.75	7.00	13.75	
13	H25.C1 00068	Nguyễn Vân	Anh	14/12/94	Nữ	57.50	20.00	77.5	5.00	7.00	12.00	
14	H25.C1 00072	Nguyễn Hoàng	Anh	24/08/95	Nữ	.	.		5.50	6.00	11.50	Miễn thi NN
15	H25.C1 00075	Nguyễn Hải	Anh	31/12/95	Nữ	61.00	20.00	81.0	7.00	5.00	12.00	
16	H25.C1 00080	Trương Phương	Anh	10/07/94	Nữ	.	.		6.75	6.00	12.75	Miễn thi NN
17	H25.C1 00082	Lưu Ngọc	ánh	25/12/94	Nữ	40.00	15.50	55.5	6.50	5.25	11.75	
18	H25.C1 00084	Tạ Ngọc	ánh	10/09/95	Nữ	58.00	17.50	75.5	5.75	5.50	11.25	
19	H25.C1 00085	Mai Thanh	Bách	22/08/95		49.00	15.50	64.5	6.25	5.50	11.75	
20	H25.C1 00086	Nguyễn Xuân	Bách	19/01/95		39.50	13.00	52.5	6.00	6.50	12.50	
21	H25.C1 00092	Nguyễn Thị	Bình	26/02/93	Nữ	48.00	14.00	62.0	6.25	7.00	13.25	
22	H25.C1 00095	Trương Thị Thuý	Bình	26/09/81	Nữ	60.50	24.00	84.5	8.00	8.00	16.00	
23	H25.C1 00105	Phùng Mạnh	Cường	09/12/95		66.00	0.00	66.0	7.50	7.50	15.00	
24	H25.C1 00106	Vương Quốc	Cường	28/02/93		.	.		7.75	6.50	14.25	Miễn thi NN
25	H25.C1 00109	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	12/06/94	Nữ	47.00	5.00	52.0	6.00	5.00	11.00	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
26	H25.C1 00112	Đinh Thị	Dung	25/06/94	Nữ	41.00	2.00	43.0	6.00	5.00	11.00	
27	H25.C1 00113	Lê Phương	Dung	19/06/94	Nữ	.	.		5.50	6.50	12.00	Miễn thi NN
28	H25.C1 00115	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	23/07/93	Nữ	66.00	12.00	78.0	8.00	8.00	16.00	
29	H25.C1 00116	Nguyễn Thuỳ	Dung	12/04/95	Nữ	.	.		6.00	5.50	11.50	Miễn thi NN
30	H25.C1 00121	Phạm Thị	Duyên	07/04/95	Nữ	51.00	9.00	60.0	5.50	6.00	11.50	
31	H25.C1 00125	Nguyễn Tuấn	Dũng	06/04/90		.	.		8.00	7.50	15.50	Miễn thi NN
32	H25.C1 00128	Nguyễn Văn	Dũng	28/02/92		39.00	13.00	52.0	5.75	5.50	11.25	
33	H25.C1 00132	Nguyễn Tuấn	Dương	15/12/91		.	.		4.75	5.50	10.25	Miễn thi NN
34	H25.C1 00139	Nguyễn Phương	Đông	18/01/94		39.00	7.00	56.0	6.00	6.50	12.50	Ưu tiên
35	H25.C1 00144	Đặng Thị Thu	Giang	20/03/95	Nữ	61.00	7.50	68.5	5.75	6.00	11.75	
36	H25.C1 00146	Nguyễn Thị Hương	Giang	17/11/86	Nữ	.	.		5.50	6.00	11.50	Miễn thi NN
37	H25.C1 00147	Phan Thị Hà	Giang	14/04/94	Nữ	45.00	9.50	54.5	6.00	7.00	13.00	
38	H25.C1 00149	Bùi Xuân	Giáp	30/03/84		66.00	13.00	79.0	7.00	7.50	14.50	
39	H25.C1 00150	Hoàng Phương	Hà	07/07/95	Nữ	67.50	24.00	91.5	6.25	6.50	12.75	
40	H25.C1 00156	Lê Hoàng	Hà	13/02/95		.	.		4.75	6.00	10.75	Miễn thi NN
41	H25.C1 00158	Ngô Thị Thanh	Hà	12/10/95	Nữ	.	.		7.25	6.00	13.25	Miễn thi NN
42	H25.C1 00163	Phạm Thị Thu	Hà	01/11/94	Nữ	53.50	19.00	72.5	6.00	6.50	12.50	
43	H25.C1 00165	Phạm Quang	Hà	18/03/95		66.00	20.00	86.0	7.50	7.50	15.00	
44	H25.C1 00169	Bùi Hoàng	Hải	23/08/90	Nữ	36.00	9.00	45.0	7.00	7.00	14.00	
45	H25.C1 00174	Phạm Thanh	Hải	22/09/95		.	.		7.25	5.00	12.25	Miễn thi NN
46	H25.C1 00180	Phạm Hồng	Hạnh	13/03/95	Nữ	43.50	9.00	52.5	5.75	6.00	11.75	
47	H25.C1 00181	Phùng Thị Thuý	Hạnh	16/05/87	Nữ	44.50	12.00	56.5	5.75	6.50	12.25	
48	H25.C1 00184	Bùi Thanh	Hằng	28/11/94	Nữ	52.00	21.50	73.5	5.75	6.50	12.25	
49	H25.C1 00185	Đào Thị Thu	Hằng	05/10/80	Nữ	19.50	14.00	33.5	5.50	7.00	12.50	
50	H25.C1 00188	Nguyễn Thị Bích	Hằng	15/06/79	Nữ	37.00	16.00	53.0	7.50	8.00	15.50	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
51	H25.C1 00189	Nguyễn Thị	Hằng	02/12/94	Nữ	49.00	12.00	61.0	6.50	6.25	12.75	
52	H25.C1 00194	Tạ Thu	Hằng	18/10/93	Nữ	20.00	0.00	20.0	5.25	6.50	11.75	
53	H25.C1 00212	Phạm Phương	Hoa	08/09/94	Nữ	.	.		7.50	7.50	15.00	Miễn thi NN
54	H25.C1 00213	Trương Việt	Hoa	30/11/94	Nữ	.	.		6.75	5.00	11.75	Miễn thi NN
55	H25.C1 00214	Đỗ Minh	Hoà	15/10/92	Nữ	50.00	10.00	60.0	6.00	6.50	12.50	
56	H25.C1 00217	Phạm Thu	Hoài	19/05/94	Nữ	.	.		4.75	7.00	11.75	Miễn thi NN
57	H25.C1 00219	Nghiêm Tuấn	Hoàng	18/07/94		49.50	18.00	67.5	6.00	6.00	12.00	
58	H25.C1 00220	Nguyễn Đăng Huy	Hoàng	26/09/95		50.50	7.00	57.5	6.00	6.00	12.00	
59	H25.C1 00226	Nguyễn Thị Khánh	Hoà	24/10/94	Nữ	34.00	11.00	45.0	5.50	5.50	11.00	
60	H25.C1 00227	Nguyễn Đức	Hoàn	17/03/83		32.00	0.00	32.0	5.50	5.00	10.50	
61	H25.C1 00231	Dương Thị	Hồng	01/07/95	Nữ	34.50	5.00	39.5	5.25	6.50	11.75	
62	H25.C1 00235	Hoàng Thị	Hội	18/08/92	Nữ	55.00	13.00	68.0	6.00	6.50	12.50	
63	H25.C1 00237	Lê Thị	Huế	14/04/95	Nữ	49.00	17.00	66.0	6.50	7.00	13.50	
64	H25.C1 00239	Đỗ Thị	Hương	20/09/91	Nữ	38.00	0.00	38.0	7.00	6.00	13.00	
65	H25.C1 00241	Nguyễn Thị Thu	Hường	12/02/94	Nữ	38.00	5.00	43.0	6.00	7.50	13.50	
66	H25.C1 00245	Nguyễn Học	Huy	19/11/83		52.50	14.00	66.5	5.50	5.50	11.00	
67	H25.C1 00249	Hoàng Thị	Huyền	07/02/93	Nữ	23.00	0.00	23.0	5.25	6.00	11.25	
68	H25.C1 00258	Vũ Thị Trâm	Huyền	20/07/75	Nữ	.	.		5.50	7.00	12.50	Miễn thi NN
69	H25.C1 00269	Hoàng Thu	Hương	27/01/94	Nữ	.	.		7.00	6.25	13.25	Miễn thi NN
70	H25.C1 00282	Phạm Trung	Kiên	19/08/93		15.50	0.00	15.5	5.00	5.50	10.50	
71	H25.C1 00284	Đào Thị	Lan	04/12/92	Nữ	34.50	8.50	43.0	7.25	5.00	12.25	
72	H25.C1 00285	Hà Thị	Lan	21/10/89	Nữ	62.00	24.00	86.0	6.25	6.00	12.25	
73	H25.C1 00293	Nguyễn Nhật	Lệ	27/09/95	Nữ	.	.	10.0	7.00	5.00	12.00	Miễn thi NN - Ưu tiên
74	H25.C1 00295	Lê Thị Bích	Liên	11/02/74	Nữ	.	.		8.00	7.75	15.75	Miễn thi NN
75	H25.C1 00298	Nguyễn Thị Hương	Liên	02/07/95	Nữ	60.50	20.00	80.5	7.00	6.25	13.25	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
76	H25.C1 00306	Doãn Khánh	Linh	25/09/94	Nữ	54.00	14.50	68.5	6.00	5.50	11.50	
77	H25.C1 00307	Đào Thị Thuỳ	Linh	04/02/92	Nữ	58.50	22.00	80.5	6.25	5.75	12.00	
78	H25.C1 00308	Đinh Thị Thuỳ	Linh	18/10/94	Nữ	41.00	5.00	56.0	7.00	6.00	13.00	Ưu tiên
79	H25.C1 00310	Đỗ Diệu	Linh	04/09/95	Nữ	-	-		6.50	6.50	13.00	Miễn thi NN
80	H25.C1 00312	Hoàng Diệu	Linh	22/01/95	Nữ	-	-		4.25	5.50	9.75	Miễn thi NN
81	H25.C1 00313	Hoàng Diệu	Linh	30/04/95	Nữ	-	-		5.00	7.00	12.00	Miễn thi NN
82	H25.C1 00316	Mai Thị Hà	Linh	15/05/95	Nữ	50.50	19.00	69.5	6.50	5.50	12.00	
83	H25.C1 00319	Ngô Mỹ	Linh	14/10/93	Nữ	49.00	14.50	63.5	6.50	5.00	11.50	
84	H25.C1 00324	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	14/02/95	Nữ	-	-		6.50	6.50	13.00	Miễn thi NN
85	H25.C1 00325	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	17/02/95	Nữ	-	-		2.25	6.00	8.25	Miễn thi NN
86	H25.C1 00328	Nguyễn Phương	Linh	03/03/95	Nữ	49.50	9.00	58.5	5.75	6.00	11.75	
87	H25.C1 00329	Nguyễn Thuỳ	Linh	04/07/94	Nữ	28.00	3.50	31.5	5.50	6.50	12.00	
88	H25.C1 00330	Nguyễn Khánh	Linh	07/02/94	Nữ	60.50	18.00	78.5	4.50	5.50	10.00	
89	H25.C1 00332	Nguyễn Thuỳ	Linh	13/09/95	Nữ	43.50	13.00	56.5	6.00	5.50	11.50	
90	H25.C1 00333	Nguyễn Diệu	Linh	13/02/95	Nữ	64.00	26.00	90.0	5.00	5.50	10.50	
91	H25.C1 00334	Nguyễn Diệu	Linh	26/04/94	Nữ	66.00	18.00	84.0	7.00	7.00	14.00	
92	H25.C1 00335	Nguyễn Thuỳ	Linh	27/10/94	Nữ	-	-		5.50	7.00	12.50	Miễn thi NN
93	H25.C1 00336	Nguyễn Hồng	Linh	29/09/91	Nữ	26.50	0.00	26.5	3.50	6.00	9.50	
94	H25.C1 00337	Phạm Thị Thảo	Linh	26/10/94	Nữ	41.00	6.00	47.0	5.50	7.00	12.50	
95	H25.C1 00338	Phạm Thuỳ	Linh	16/06/94	Nữ	59.00	23.00	82.0	7.50	7.50	15.00	
96	H25.C1 00340	Triệu Tú	Linh	08/08/95	Nữ	35.00	8.00	43.0	6.00	6.50	12.50	
97	H25.C1 00342	Vũ Thị Thuỳ	Linh	15/11/93	Nữ	45.00	9.00	54.0	4.50	5.00	9.50	
98	H25.C1 00346	Nguyễn Kim	Loan	23/01/90	Nữ	34.50	0.50	35.0	7.00	7.00	14.00	
99	H25.C1 00352	Nguyễn Văn	Long	22/07/88		16.00	6.00	22.0	4.50	6.50	11.00	
100	H25.C1 00355	Trần	Long	25/02/77		-	-		6.25	6.00	12.25	Miễn thi NN

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
101	H25.C1 00363	Hà Thị Phương	Ly	22/12/95	Nữ	.	.	10.0	6.00	7.00	13.00	Miễn thi NN - Ưu tiên
102	H25.C1 00365	Nguyễn Thảo	Ly	31/07/94	Nữ	.	.		5.00	5.00	10.00	Miễn thi NN
103	H25.C1 00368	Đậu Ngọc	Mai	09/11/95	Nữ	59.50	21.50	81.0	5.75	7.25	13.00	
104	H25.C1 00369	Hà Thị Ngọc	Mai	04/01/90	Nữ	27.50	1.00	28.5	6.00	6.50	12.50	
105	H25.C1 00379	Lạc Hồng	Minh	03/02/95	Nữ	44.00	16.50	70.5	7.50	6.00	13.50	Ưu tiên
106	H25.C1 00382	Nguyễn Thị	Minh	16/11/91	Nữ	51.00	15.50	66.5	6.00	7.00	13.00	
107	H25.C1 00383	Nguyễn Hoàng	Minh	27/10/95	Nữ	60.00	20.00	80.0	5.50	5.00	10.50	
108	H25.C1 00384	Trần Hoàng	Minh	06/12/95		.	.		6.50	6.00	12.50	Miễn thi NN
109	H25.C1 00386	Nghiêm Trà	My	05/07/94	Nữ	.	.		7.50	7.75	15.25	Miễn thi NN
110	H25.C1 00388	Nguyễn Thị	My	05/08/95	Nữ	.	.		7.75	7.00	14.75	Miễn thi NN
111	H25.C1 00396	Phạm Thành	Nam	18/09/90		47.50	13.50	61.0	5.75	6.00	11.75	
112	H25.C1 00400	Trần Phương	Nga	26/02/95	Nữ	57.00	22.50	79.5	5.50	7.25	12.75	
113	H25.C1 00401	Nguyễn Thị	Ngà	15/03/94	Nữ	.	.		4.50	6.50	11.00	Miễn thi NN
114	H25.C1 00404	Vũ Thị	Ngân	12/01/93	Nữ	57.00	7.50	64.5	6.00	6.50	12.50	
115	H25.C1 00414	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	18/12/94	Nữ	44.50	16.50	61.0	5.75	5.00	10.75	
116	H25.C1 00415	Nguyễn Bích	Ngọc	02/08/94	Nữ	.	.		5.50	6.00	11.50	Miễn thi NN
117	H25.C1 00424	Lương Thị Thảo	Nhi	23/08/95	Nữ	62.00	28.00	90.0	5.50	7.00	12.50	
118	H25.C1 00425	Dương Thị Hồng	Nhung	30/05/94	Nữ	53.00	10.00	63.0	5.50	6.00	11.50	
119	H25.C1 00427	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/12/92	Nữ	30.00	1.00	31.0	5.00	6.50	11.50	
120	H25.C1 00434	Nguyễn Thị	Nền	17/09/85	Nữ	60.50	22.50	83.0	8.00	7.50	15.50	
121	H25.C1 00435	Phạm Thị	Oanh	25/11/83	Nữ	57.50	12.00	69.5	8.00	7.50	15.50	
122	H25.C1 00436	Tạ Xuân	Phong	22/10/94		57.00	6.00	63.0	4.00	5.00	9.00	
123	H25.C1 00437	Lê Thị Mai	Phương	26/05/93	Nữ	36.00	5.50	41.5	5.00	6.50	11.50	
124	H25.C1 00441	Lê Thị ánh	Phương	14/01/95	Nữ	58.00	23.50	81.5	6.00	6.00	12.00	
125	H25.C1 00443	Phạm Như	Phương	15/01/89		58.50	22.00	80.5	5.75	7.00	12.75	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
126	H25.C1 00445	Trịnh Ngọc Anh	Phương	05/09/91	Nữ	.	.		8.00	8.00	16.00	Miễn thi NN
127	H25.C1 00448	Vũ Nhã	Phương	10/09/91	Nữ	57.00	23.50	80.5	6.25	5.00	11.25	
128	H25.C1 00449	Lưu Bảo	Phượng	31/10/94	Nữ	63.50	19.00	82.5	5.00	6.50	11.50	
129	H25.C1 00451	Nguyễn Thị	Phượng	11/01/93	Nữ	59.00	24.00	83.0	5.00	6.00	11.00	
130	H25.C1 00457	Bùi Thị Hồng	Quyên	08/05/95	Nữ	59.50	24.50	84.0	5.50	6.00	11.50	
131	H25.C1 00459	Lường Thị An	Quyên	07/07/95	Nữ	27.00	9.00	46.0	7.25	6.00	13.25	Ưu tiên
132	H25.C1 00461	Nguyễn Hương	Quỳnhh	22/07/79	Nữ	.	.		5.50	6.00	11.50	Miễn thi NN
133	H25.C1 00462	Nguyễn Thuý	Quỳnh	13/05/77	Nữ	.	.		8.00	8.00	16.00	Miễn thi NN
134	H25.C1 00464	Trần Ngọc Trúc	Quỳnh	05/02/94	Nữ	.	.		5.00	5.00	10.00	Miễn thi NN
135	H25.C1 00465	Trần Vân	Quỳnh	07/06/95	Nữ	62.50	23.00	85.5	5.50	6.25	11.75	
136	H25.C1 00475	Lê Thị Thanh	Tâm	02/11/93	Nữ	40.00	13.50	53.5	5.50	6.50	12.00	
137	H25.C1 00477	Nguy Thị	Tâm	21/11/92	Nữ	25.50	5.00	30.5	5.00	6.25	11.25	
138	H25.C1 00481	Nguyễn Thị	Thao	28/09/79	Nữ	60.50	11.50	72.0	6.75	6.50	13.25	
139	H25.C1 00483	Đoàn Duy	Thành	02/01/95		66.00	20.00	86.0	7.50	8.00	15.50	
140	H25.C1 00486	Nguyễn Nhật	Thành	27/01/95	Nữ	34.50	9.00	43.5	7.50	5.00	12.50	
141	H25.C1 00488	Đoàn Phương	Thảo	19/09/94	Nữ	67.50	23.00	90.5	5.00	6.25	11.25	
142	H25.C1 00491	Lù Phương	Thảo	27/04/94	Nữ	39.50	3.00	52.5	6.00	5.50	11.50	Ưu tiên
143	H25.C1 00493	Nguyễn Thị Phương	Thảo	29/08/94	Nữ	.	.		7.50	7.50	15.00	Miễn thi NN
144	H25.C1 00494	Nguyễn Thị Thu	Thảo	16/04/94	Nữ	40.50	3.00	53.5	7.75	6.50	14.25	Ưu tiên
145	H25.C1 00495	Nguyễn Thị Thu	Thảo	28/11/94	Nữ	37.50	16.00	53.5	6.25	6.50	12.75	
146	H25.C1 00497	Phạm Phương	Thảo	06/10/94	Nữ	.	.		5.75	5.50	11.25	Miễn thi NN
147	H25.C1 00501	Trịnh Thị	Thảo	22/09/94	Nữ	20.50	4.50	35.0	6.50	6.50	13.00	Ưu tiên
148	H25.C1 00510	Vương Thị	Thắng	05/06/75	Nữ	37.00	15.50	52.5	3.50	5.00	8.50	
149	H25.C1 00517	Lê Thị	Thuận	05/10/93	Nữ	64.00	1.50	65.5	7.00	7.50	14.50	
150	H25.C1 00519	Hướng Thị Hà	Thu	29/03/93	Nữ	44.00	12.00	66.0	6.25	5.50	11.75	Ưu tiên

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
151	H25.C1 00523	Bùi Thị	Thuý	23/04/95	Nữ	37.00	7.00	44.0	5.75	7.00	12.75	
152	H25.C1 00530	Vũ Thị Phương	Thuý	08/09/89	Nữ	64.00	25.50	89.5	5.50	6.50	12.00	
153	H25.C1 00532	Chu Hồng	Thuỷ	22/02/95	Nữ	66.50	26.00	92.5	4.00	5.25	9.25	
154	H25.C1 00534	Đoàn Thị Thu	Thuỷ	14/11/95	Nữ	.	.		4.50	5.25	9.75	Miễn thi NN
155	H25.C1 00536	Nguyễn Thị Bích	Thuỷ	18/10/85	Nữ	40.50	9.50	50.0	5.75	6.50	12.25	
156	H25.C1 00542	Nguyễn Anh	Thư	10/12/94	Nữ	50.00	7.00	57.0	5.25	7.00	12.25	
157	H25.C1 00543	Nguyễn Thị	Thương	23/04/95	Nữ	.	.		4.75	5.50	10.25	Miễn thi NN
158	H25.C1 00546	Tạ Thuỷ	Tiên	29/10/94	Nữ	.	.		6.50	7.00	13.50	Miễn thi NN
159	H25.C1 00547	Lê Văn	Tiến	08/03/95		54.00	14.00	68.0	7.00	7.50	14.50	
160	H25.C1 00553	Bùi Kiều	Trang	08/08/91	Nữ	27.00	19.00	46.0	4.50	5.00	9.50	
161	H25.C1 00554	Bùi Huyền	Trang	10/12/94	Nữ	60.50	10.50	71.0	7.00	7.75	14.75	
162	H25.C1 00555	Đặng Thị Quỳnh	Trang	15/10/94	Nữ	35.50	12.00	47.5	6.25	6.50	12.75	
163	H25.C1 00558	Đỗ Thị Hiệp	Trang	18/07/95	Nữ	49.00	7.00	56.0	5.50	6.50	12.00	
164	H25.C1 00561	Lê Thị Linh	Trang	04/08/94	Nữ	48.50	20.50	69.0	8.00	8.00	16.00	
165	H25.C1 00564	Lê Thuỳ	Trang	25/10/95	Nữ	48.50	20.00	68.5	6.00	7.50	13.50	
166	H25.C1 00566	Ngô Thị Linh	Trang	02/05/95	Nữ	46.00	11.00	57.0	5.00	5.00	10.00	
167	H25.C1 00568	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31/05/95	Nữ	61.00	20.00	81.0	3.00	6.25	9.25	
168	H25.C1 00572	Nguyễn Huyền	Trang	18/12/94	Nữ	49.50	21.50	71.0	5.25	2.50	7.75	
169	H25.C1 00573	Nguyễn Quỳnh	Trang	17/12/91	Nữ	.	.		5.25	6.50	11.75	Miễn thi NN
170	H25.C1 00574	Nguyễn Huyền	Trang	20/12/94	Nữ	28.50	15.00	43.5	6.00	6.50	12.50	
171	H25.C1 00575	Nguyễn Thu	Trang	30/07/95	Nữ	58.50	22.00	80.5	7.50	7.00	14.50	
172	H25.C1 00577	Phạm Thị Huyền	Trang	28/07/93	Nữ	45.50	16.00	61.5	4.00	6.00	10.00	
173	H25.C1 00578	Phạm Thị Thu	Trang	29/03/90	Nữ	54.00	15.00	69.0	7.00	7.00	14.00	
174	H25.C1 00581	Phạm Ngọc	Trang	21/03/92	Nữ	.	.		3.25	5.00	8.25	Miễn thi NN
175	H25.C1 00584	Trần Thị Thu	Trang	26/11/94	Nữ	60.50	20.00	80.5	5.00	5.00	10.00	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật kinh tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
176	H25.C1 00585	Trần Đài	Trang	10/06/94	Nữ	52.00	20.00	72.0	6.50	7.00	13.50	
177	H25.C1 00586	Trần Quỳnh	Trang	11/05/95	Nữ	61.50	23.00	94.5	6.00	6.25	12.25	Ưu tiên
178	H25.C1 00592	Lê Thị	Trinh	11/08/95	Nữ	51.00	20.00	71.0	8.00	6.50	14.50	
179	H25.C1 00596	Nguyễn Văn	Trung	09/01/94		31.50	0.00	31.5	6.25	5.00	11.25	
180	H25.C1 00604	Hoàng Mạnh	Tuấn	19/08/95		44.50	14.50	59.0	5.50	7.00	12.50	
181	H25.C1 00606	Lê Ngọc	Tuấn	20/12/85		60.50	20.00	80.5	7.50	8.00	15.50	
182	H25.C1 00609	Bùi Nguyễn ánh	Tuyết	19/09/94	Nữ	41.00	4.50	45.5	5.00	5.00	10.00	
183	H25.C1 00619	Nguyễn Trần	Tùng	25/12/91		59.50	21.50	81.0	5.50	6.00	11.50	
184	H25.C1 00622	Nguyễn Thị	Tươi	10/05/95	Nữ	52.50	18.50	71.0	5.00	6.50	11.50	
185	H25.C1 00625	Hoàng Thu	Uyên	18/06/94	Nữ	60.50	14.50	75.0	5.25	6.50	11.75	
186	H25.C1 00626	Hồ Thu	Uyên	21/11/95	Nữ	52.00	14.00	66.0	6.50	6.50	13.00	
187	H25.C1 00633	Nguyễn Quang	Việt	22/11/95		-	-		4.50	7.00	11.50	Miễn thi NN
188	H25.C1 00635	Đặng Thế	Vinh	02/11/95		-	-		6.00	7.00	13.00	Miễn thi NN
189	H25.C1 00636	Lê Quang	Vinh	02/09/79		27.00	23.00	50.0	7.25	7.00	14.25	
190	H25.C1 00637	Ngô Hà	Vinh	21/01/94	Nữ	-	-		5.00	6.25	11.25	Miễn thi NN
191	H25.C1 00638	Vũ Cao	Vinh	29/11/95		51.50	17.00	68.5	5.00	5.00	10.00	
192	H25.C1 00641	Vũ Thị	Vui	02/03/94	Nữ	54.00	23.00	77.0	6.25	5.00	11.25	
193	H25.C1 00642	Đỗ Anh	Vũ	15/06/95		26.00	10.00	36.0	8.00	7.50	15.50	
194	H25.C1 00643	Phạm	Vũ	19/06/94		34.50	11.00	45.5	5.25	5.00	10.25	
195	H25.C1 00644	Phạm Minh	Vương	03/08/89		39.00	6.50	45.5	5.50	6.00	11.50	
196	H25.C1 00646	Chu Thuận	Yến	17/01/95	Nữ	64.50	20.50	85.0	5.00	5.00	10.00	
197	H25.C1 00648	Lại Thị Hải	Yến	13/12/92	Nữ	34.00	7.00	41.0	6.00	5.75	11.75	
198	H25.C1 00654	Nguyễn Hải	Yến	30/12/91	Nữ	64.50	24.00	88.5	7.00	6.75	13.75	
199	H25.C1 00658	Trần Thị Hoàng	Yến	11/08/94	Nữ	37.00	15.00	52.0	7.50	7.50	15.00	

Cộng ngành : 199 thí sinh

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật quốc tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
1	H25.C1 00040	Dương Mai	Anh	27/06/95	Nữ	.	.		8.00	6.75	14.75	Miễn thi NN
2	H25.C1 00045	Đỗ Ngọc	Anh	08/04/95	Nữ	.	.		6.00	6.00	12.00	Miễn thi NN
3	H25.C1 00064	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/08/93	Nữ	.	.		5.00	6.50	11.50	Miễn thi NN
4	H25.C1 00069	Nguyễn Diệu	Anh	17/04/93	Nữ	60.00	22.00	82.0	5.00	5.25	10.25	
5	H25.C1 00117	Trần Vũ Bảo	Dung	22/11/93	Nữ	47.50	13.50	61.0	5.00	5.50	10.50	
6	H25.C1 00133	Phạm Thuỳ	Dương	23/07/93	Nữ	.	.		5.50	6.00	11.50	Miễn thi NN
7	H25.C1 00176	Vũ Ngọc	Hải	19/10/93		.	.		2.50	.	2.50	
8	H25.C1 00178	Huỳnh Lê Mỹ	Hạnh	09/06/94	Nữ	.	.		5.00	6.50	11.50	Miễn thi NN
9	H25.C1 00179	Nguyễn Thị	Hạnh	20/05/91	Nữ	66.00	7.50	73.5	7.50	5.50	13.00	
10	H25.C1 00272	Nguyễn Thanh	Hương	14/09/87	Nữ	61.00	22.00	83.0	7.00	5.50	12.50	
11	H25.C1 00275	Nguyễn Thị Thu	Hường	21/12/95	Nữ	.	.		8.00	7.25	15.25	Miễn thi NN
12	H25.C1 00299	Nguyễn Thị	Liên	18/02/93	Nữ	.	.		7.00	6.50	13.50	Miễn thi NN
13	H25.C1 00349	Lê Hải	Long	03/08/89		48.00	19.50	67.5	5.00	5.00	10.00	
14	H25.C1 00357	Đào Quý	Lộc	21/11/84		.	.		5.50	7.00	12.50	Miễn thi NN
15	H25.C1 00360	Lê Thị	Lộc	29/09/83	Nữ	70.00	16.00	86.0	7.00	6.50	13.50	
16	H25.C1 00387	Nguyễn Thị Huyền	My	11/01/94	Nữ	34.50	14.00	48.5	5.00	4.75	9.75	
17	H25.C1 00402	Đào Thị	Ngân	13/05/92	Nữ	60.00	14.00	74.0	8.00	5.50	13.50	
18	H25.C1 00447	Vi Tiểu	Phương	18/09/94	Nữ	36.50	5.00	41.5	6.50	5.25	11.75	
19	H25.C1 00456	Nguyễn Lê	Quân	13/01/94		60.50	22.00	82.5	6.50	7.25	13.75	
20	H25.C1 00470	Phạm Thanh	Sơn	14/10/93		.	.		7.00	7.50	14.50	Miễn thi NN
21	H25.C1 00473	Bùi Văn	Tạ	10/06/86		54.00	3.00	57.0	5.00	5.50	10.50	
22	H25.C1 00496	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/11/94	Nữ	42.50	5.50	48.0	6.00	3.50	9.50	
23	H25.C1 00505	Lê Minh	Thắng	03/09/94		.	.		5.00	3.50	8.50	Miễn thi NN
24	H25.C1 00509	Nguyễn Tuấn	Thắng	19/08/76		65.50	20.00	85.5	5.00	6.00	11.00	
25	H25.C1 00516	Trần Trung	Thông	24/11/82		68.50	24.50	93.0	7.00	5.50	12.50	

BIỂU SỐ 07/TSĐH

SỔ ĐIỂM THI SAU ĐẠI HỌC NĂM 2017

Cao học Luật khóa 25 - ứng dụng

** Ngành Luật quốc tế*

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	GT	Ngoại ngữ			Môn CC	Môn KCC	ĐTC	Ghi chú
						N+Đ	Viết	Tổng				
26	H25.C1 00524	Hoàng Thu	Thuý	29/12/93	Nữ	54.50	20.50	75.0	5.00	6.50	11.50	
27	H25.C1 00527	Phạm Quỳnh Hoa	Thuý	07/11/94	Nữ	59.50	19.00	78.5	7.50	7.00	14.50	
28	H25.C1 00588	Trần Thu	Trang	16/10/94	Nữ	39.00	18.50	57.5	7.50	6.50	14.00	

Cộng ngành : 28 thí sinh

CỘNG TRƯỜNG H25C1 : 519 THÍ SINH

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	TRƯỞNG BAN THƯ KÝ	PHÒNG THANH TRA ĐÀO TẠO	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
Mai Văn Hải	Vũ Thị Lan Anh	Trần Thị Thu Hường	HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI TS. Lê Tiến Châu